

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 08 - 11 - 2021  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Quốc Sách.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 10, ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Bích D, sinh năm 1983. (có mặt)

*Địa chỉ cư trú:* ấp L, xã L huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. (có mặt)

*Địa chỉ cư trú:* ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội - Địa chỉ: 169, Phố Linh Đ, phường Hoàng L, Hoàng M, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Xuân B, chức vụ: giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Nguyên đơn chị Trần Thị Bích D trình bày:** Vào năm 2003 chị và anh Nguyễn Văn H sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H vào năm 2004, sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh H, đến năm 2006 thì vợ chồng cất nhà sống riêng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 16/6/2006. Sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn cãi vã, bất đồng quan điểm sống, nên có một lần vào năm 2017 chị đã nộp đơn ly hôn với anh H đến Tòa án, nhưng anh H năng nỉ hàn gắn lại chị đã rút đơn về sống lại, đến đầu năm 2019 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay (chị và con về nhà cha, mẹ ruột sống, anh H vẫn ở nhà chung), trong thời gian ly thân không có hàn gắn được, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 16/6/2006 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện H 9.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi trả số nợ này.

**- Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:** Không nhớ thời gian - anh và chị Trần Thị Bích D sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (không nhớ năm), sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh được 01 năm thì vợ chồng cất nhà sống riêng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 16/6/2006. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn cãi vã, sau đó chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm, trong thời gian ly thân không có hàn gắn được mặc dù anh có đến nhà năng nỉ nhiều lần nhưng chị D không đồng ý về sống lại. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ con.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 16/6/2006 hiện đang sống với chị D, anh đồng ý để chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện H 9.000.000 đồng. Anh đồng ý chia đôi trả số nợ trên.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội – người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Xuân B trình bày:** Vào ngày 20/9/2018 chị D và anh H có vay vốn tại Ngân hàng theo chương trình cho vay là nước sạch và vệ sinh môi trường số tiền gốc là 12.000.000 đồng, có trả được 3.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 9.000.000 đồng, nay chị D, anh H ly hôn, nên Ngân hàng yêu cầu chị D, anh H mỗi người có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng ½ số tiền gốc là

9.000.000 đồng (tức mỗi người 4.500.000 đồng), nợ lãi 00 đồng tính đến ngày 06/4/2021 và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/7/2021 thì nguyên đơn chị Trần Thị Bích D, bị đơn anh Nguyễn Văn H và người liên quan ngân hàng chính sách xã hội – người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Xuân B tự nguyện thỏa thuận và thống nhất với nhau như sau:

+ Nguyên đơn chị Trần Thị Bích D đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền vay còn nợ là 4.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 4.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 00 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

+ Bị đơn anh Nguyễn Văn H đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền vay còn nợ là 4.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 4.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 00 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

Yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này vào bản án.

**- *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

\* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

\* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình sống chung chị D với anh H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh H không chăm lo gia đình, thường xuyên cãi vã, dù chị D đã từng cho anh H cơ hội sửa đổi nhưng anh H vẫn không sửa chữa. Anh H dù nói vẫn còn thương chị D nhưng trong thời gian sống ly thân thì anh H không có thiện chí tu sửa tính tình, không tạo cơ hội để chị D tha thứ, mà thay vào đó là sự say sấn và chửi mắng chị D. Xét thấy, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên chị D cho anh H cơ hội đoàn tụ nhưng chị D vẫn kiên quyết nên xét cần chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 16/6/2016, cháu Trần từ khi chị D và anh H không còn sống chung thì cháu T do chị D chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống bình thường của cháu cũng như nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ cho nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến;

- Nợ chung: Có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền 9.000.000 đồng, chị D yêu cầu anh H cùng trả. Chị D và anh H thỏa thuận mỗi người có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội là: 4.500.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, nhận thấy việc thỏa thuận là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

\* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với người liên quan Ngân hàng chính sách xã hội có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt người liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11/10/2004, nên quan hệ vợ chồng của chị Trần Thị Bích D với anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị D khai là không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mà bắt đầu là do lỗi của anh H trong cư xử không tế nhị với vợ, thiếu sự chăm lo gia đình, nhậu về kiếm chuyện chửi mắng chị, có vài lần đánh chị, trong khi đó chị D đã hết lời khuyên răn, nhưng vẫn không được, nên có lần vào năm 2017 chị D đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, lần này anh H đã năn nỉ, cam kết không tái phạm trong việc đối xử không tốt với vợ con và chị D đã đồng ý rút đơn khởi kiện về sống vợ chồng tiếp tục. Nhưng sau đó anh H không sửa chữa mà lại tiếp tục thực hiện những hành vi cũ với vợ con, nên chị D bỏ ra đi về nhà cha mẹ ruột sống kể từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị D xin được ly hôn với anh H; còn anh H thì cho rằng có mâu thuẫn, cũng có vài lần đánh chị D, nhưng không lớn, nên anh không đồng ý ly hôn, vì còn yêu thương vợ con. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị D với anh H không còn, cụ thể qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa Tòa án đã động viên chị D về đoàn tụ lại với anh H, nhưng chị D kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù anh H không đồng ý ly hôn, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị D, anh H đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được (đã có 01 lần nộp đơn xin ly hôn và lần này đã ly thân trên 03 năm), nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh H.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị D, anh H cùng khai có 01 con chung tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 16/6/2006 (hiện đang sống với chị D), chị D và anh H thống nhất giao cháu Huyền T cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền cản trở. Xét thấy: Sự tự nguyện của chị D, anh H thống nhất thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung như trên là phù hợp với pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Huyền T tại bản tự khai ngày 07/7/2021, nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D chưa yêu cầu, nên anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị D, anh H thống nhất để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

- Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 12/7/2021, cũng như tại phiên tòa thì nguyên đơn chị Trần Thị Bích D, bị đơn anh Nguyễn Văn H đã tự nguyện thỏa thuận thống nhất trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội và yêu cầu ghi nhận vào bản án như sau:

+ Nguyên đơn chị Trần Thị Bích D đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền vay còn nợ là 4.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 4.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 00 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

+ Bị đơn anh Nguyễn Văn H đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền vay còn nợ là 4.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 4.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 00 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận trong việc trả nợ vay giữa chị D, anh H đã phù hợp với yêu cầu Ngân hàng chính sách xã hội và đúng quy định của pháp luật, nên công nhận và ghi vào bản án.

[3]. Qua nhận định trên xét thấy phát biểu đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát Huyện tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án như đã nêu là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, và 112.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, tổng cộng là: 412.500 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012982 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị D còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là: 112.500 đồng; Anh H phải nộp: 112.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Bích D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận của chị Trần Thị Bích D với anh Nguyễn Văn H: Giao cháu Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 16/6/2006 (hiện đang sống với chị D) cho chị Trần Thị Bích D (là mẹ) được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Anh Nguyễn Văn H (là cha) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị Bích D chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh Nguyễn Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bích D, anh Nguyễn Văn H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

5. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn chị Trần Thị Bích D, bị đơn anh Nguyễn Văn H với người liên quan Ngân hàng chính sách xã hội – người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Xuân B (Giám đốc phòng giao dịch huyện H, tỉnh Đồng Tháp) về việc trả nợ vay như sau:

+ Nguyên đơn chị Trần Thị Bích D đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch huyện H, tỉnh Đồng Tháp số tiền vay còn nợ là 4.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 4.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 00 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

+ Bị đơn anh Nguyễn Văn H đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện H, tỉnh Đồng Tháp số tiền vay còn nợ là 4.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 4.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 00 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Bích D là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 112.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, tổng cộng là: 412.500 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012982 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Trần Thị Bích D còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là: 112.500 đồng.

- Anh Nguyễn Văn H phải nộp: 112.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

7. Nguyên đơn chị Trần Thị Bích D, bị đơn anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/11/2021). Đối với người liên quan Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Đồng Tháp vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

8. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lâm Quốc Sách**